

CÁI NHÌN CỦA HỒ BIỂU CHÁNH VỀ TRẺ EM QUA MỘT SỐ TIỂU THUYẾT TIÊU BIỂU

HUỲNH THỊ LAN PHƯƠNG*
NGUYỄN VĂN NỞ**

Nhân vật trẻ em, nhất là những trẻ có cuộc đời bất hạnh, là đề tài được các nhà văn trong và ngoài nước quan tâm. Một số tác phẩm của Hồ Biểu Chánh phản ánh thực trạng việc ứng xử của người lớn, việc nuôi dưỡng, giáo dục đối với trẻ em; số phận cũng như tính cách được hình thành từ nghịch cảnh. Nghiên cứu nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh nhằm góp thêm một góc nhìn để người đọc đồng cảm với tấm lòng nhân hậu, giàu tình yêu trẻ, và nhận rõ hơn quan niệm về con người, về xã hội của nhà văn.

Từ khóa: cái nhìn, nhân vật, trẻ em, tiểu thuyết, Hồ Biểu Chánh

Nhận bài ngày: 27/02/2025; *đưa vào biên tập:* 29/02/2025; *phản biện:* 09/3/2025; *duyet đăng:* 20/3/2025

1. DẪN NHẬP

Trong mọi xã hội, ở tất cả các quốc gia, trẻ em là đối tượng dễ bị tổn thương nhất. Đồng thời, trẻ em cũng là đối tượng cần được quan tâm chăm sóc, giáo dục nhiều nhất. Bởi đó là niềm hy vọng, là tương lai của đất nước. Quan tâm đúng mực, phù hợp đến đời sống vật chất và chăm lo giáo dục trẻ em là thể hiện sự văn minh, phát triển của một quốc gia, cũng là khẳng định các giá trị mang tính nhân văn của một dân tộc.

Thực trạng ngược đãi trẻ em, từ xưa đến nay, đâu đó vẫn diễn ra. Nhân vật trẻ em với những phận đời bất hạnh đã trở thành đề tài được các nhà văn Nam Cao, Ngô Tất Tố, Tô Hoài,

Nguyễn Hồng, Hồ Biểu Chánh... quan tâm. Tất cả đều hướng đến thể hiện sự cảm thông, yêu thương, lên tiếng phê phán những phi lý, bất công mà trẻ em phải gánh chịu. Hồ Biểu Chánh (HBC) là một trong những nhà văn khai thác vấn đề này sớm nhất trong những tác phẩm thuộc thể loại văn xuôi tự sự quốc ngữ. Ở tiểu thuyết HBC, nhân vật trẻ em cùng nhân vật người lớn khẳng định chân lý bất biến ở đời: “Ở hiền gặp lành, gieo ác gặp dữ”. Với tấm lòng nhân hậu cùng nỗi trăn trở về cuộc sống, HBC không chỉ thấu hiểu, chia sẻ mà còn mong tìm ra định hướng cho ngày mai tốt đẹp của trẻ em.

Sự nghiệp sáng tác của HBC rất đồ sộ, đa dạng về thể loại, đề tài. Riêng tiểu thuyết, ông có đến 64 tác phẩm. Chúng tôi chọn khảo sát những tác

*, ** Trường Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ.

phẩm trong đó có hình tượng nhân vật trẻ em. Điều thú vị trong số đó có quyển được tác giả viết giai đoạn đầu (*Cay đắng mùi đời* xuất bản năm 1923) và vào những năm cuối đời (*Chị Đào*, *chị Lý* xuất bản năm 1957). Điều đó cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng của nhà văn về nhân vật trẻ em trong suốt quá trình sáng tác. Khảo sát 11 tiểu thuyết, chúng tôi nhận thấy nhân vật trẻ em được HBC xây dựng khá đa dạng, với nhiều hoàn cảnh, lắm số phận ít nhiều góp phần tái hiện bức tranh xã hội đầu thế kỷ và giá trị nhân văn của tác phẩm. Trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu vận dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp nghiên cứu liên ngành... để khảo sát các yếu tố về nghệ thuật miêu tả nhân vật; dụng ý nghệ thuật của nhà văn thể hiện qua lời người kể chuyện, qua ngôn ngữ nhân vật và cả trong những chi tiết, tình huống, nội dung được tạo dựng trong tác phẩm. Phương pháp so sánh cũng được sử dụng để nhận diện nét riêng trong cái nhìn về trẻ em của HBC. Kết quả nghiên cứu không những cho thấy cái nhìn của HBC qua việc kiến tạo nhân vật trẻ em mà còn góp phần khẳng định giá trị tiểu thuyết của ông trong quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam giai đoạn giao thời.

2. KHÁI QUÁT VỀ NHÂN VẬT TRẺ EM TRONG TIỂU THUYẾT HỒ BIỂU CHÁNH

HBC không chủ đích viết cho thiếu nhi. Tiểu thuyết có nhân vật trẻ em của HBC được viết để người lớn đọc.

Nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết của HBC không cất lên tiếng nói của thiếu nhi, càng không được miêu tả, cảm nhận từ góc nhìn của thiếu nhi. HBC hiếm khi hóa thân để nhìn thiếu nhi bằng chính đôi mắt trẻ thơ nên tuy có sự thấu hiểu, cảm thông, nhưng không tránh khỏi những gượng ép, cảm tính, chủ quan. Nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC là một nhóm nhân vật tiêu biểu, nằm trong hệ thống chung các nhân vật; song hành cùng hệ thống nhân vật người lớn, thể hiện nội dung tư tưởng tác phẩm, cùng làm nổi bật dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Bàn đến điều này nhằm nhấn mạnh nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC khác với kiểu nhân vật trẻ em trong văn học sáng tác cho thiếu nhi ra đời ở các giai đoạn sau. Theo Văn Thanh (1982: 14): "...chưa thể nói đến một nền văn học viết cho thiếu nhi, với ý thức phục vụ thiếu nhi, trước Cách mạng tháng Tám 1945". Khi HBC viết tiểu thuyết, tác phẩm viết cho thiếu nhi cũng đã xuất hiện (*Lên sáu*, *Lên tám* của Tản Đà) nhưng đó là sách giáo huấn, khuyên dạy trẻ em. Trẻ em nếu có xuất hiện trong tác phẩm của Tản Đà hay Nguyễn Bửu Mọc (*Mạng nhà nghèo*) cũng chỉ là hình ảnh để minh chứng, góp thêm sự phong phú, đa dạng cho bức tranh hiện thực được miêu tả, chưa mang những đặc điểm của loại hình nhân vật tiêu biểu.

Nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC tuy số lượng không nhiều nhưng đa dạng. Có nhân vật chính diện (*Được - Cay đắng mùi đời*; *Hồi, Quì - Vì nghĩa vì tình*; *Tý, Quyên - Cha con nghĩa*

nặng); có nhân vật phản diện (Liên Hoa - *Nợ đời*); có nhân vật chính, xuất hiện theo chiều dài tác phẩm làm nổi bật tư tưởng chủ đề của tác phẩm (Được - *Cay đắng mùi đời*; Tý, Quyên - *Cha con nghĩa nặng*); có nhân vật phụ, nhưng góp phần khẳng định quan niệm đạo lý của nhà văn, làm sống động hơn, cụ thể hơn bức tranh hiện thực xã hội (Hồi, Quì, Châu - *Vì nghĩa vì tình*; bé Thu Vân - *Ngọn cỏ gió đùa*; Thu Cúc, Nuôi - *Chút phận linh đình*; Liên, Bì - *Cay đắng mùi đời*).

Nhân vật trẻ em trong sáng tác của HBC có nhiều hoàn cảnh, số phận, không ít những nỗi niềm, hình thành từ những điều kiện sống khác nhau. Có những trẻ vô gia cư - cơ nhỡ (Được, Bì - *Cay đắng mùi đời*; Hồi, Quì - *Vì nghĩa vì tình*); có trẻ tuy không được sống cùng gia đình nhưng vẫn còn người thân, còn giữ được mối liên hệ với gia đình (Tý, Quyên - *Cha con nghĩa nặng*); lại có trẻ được sống cạnh người thân nhưng phải lưu lạc xứ người, tha phương cầu thực (Thu Cúc - *Chút phận linh đình*). Cũng có trẻ sống xa gia đình, thất lạc người thân (Thu Ba - *Chút phận linh đình*, Thu Vân - *Ngọn cỏ gió đùa*). Số ít trẻ có điều kiện sống sung sướng (Liên Hoa và hai em trai - *Nợ đời*). Đôi khi lại bắt gặp những đứa trẻ dù được sống trong gia đình nhưng thiếu vắng người thân (Hai bé Khoa, Lý - *Lời thề trước miếu*).

HBC có tâm nguyện “cảm hóa quần chúng mà đưa họ trở lại con đường nghĩa nhân chính trực” (Nguyễn Khuê,

1974: 33). Đối tượng tác giả mong muốn cảm hóa không chỉ người lớn mà còn là trẻ em. Nói cách khác, HBC luôn khát vọng tìm kiếm giải pháp cụ thể cho vấn đề giáo dục trẻ em. Đây chính là nét riêng trong mục đích kiến tạo nhân vật trẻ em ở tiểu thuyết HBC, so với trước đó, cùng thời và cả về sau, giai đoạn kế cận 1930 -1945.

3. CÁI NHÌN THẤU HIỂU CỦA HỒ BIỂU CHÁNH QUA ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI LỚN ĐỐI VỚI TRẺ EM

3.1. Bạo hành, ngược đãi trẻ em

HBC viết về những đứa trẻ bị đánh đập thô bạo, đòn roi ác nghiệt bởi mẹ ghẻ, mẹ nuôi, cha nuôi, người thân trong họ hàng và có khi còn từ chính cha ruột. Tác giả đã khiến người đọc không khỏi ngậm ngùi, xót xa trước tình cảnh của Châu, Quì trong *Vì nghĩa vì tình*. Hai chị em sớm mồ côi mẹ, phải sống chung với mẹ ghẻ, bị bắt làm việc quá sức, bông em suốt cả ngày, ăn đói, mặc rách, thường xuyên bị chửi mắng đánh đập không thương tiếc: “Châu bông con Lựu lớn tợn đi lại đường hẻm, môi sưng chù vù, hai gò má đỏ au, nước mắt nước mũi chàm ngoàm... Con Châu đứng dựa lưng vô vách, rồi thò tay vén ống quần lên mà thoa bắp vế. Thằng Hồi ngó thấy hai bắp vế của con nọ có dấu ngắt, chỗ cũ thì bầm đen, chỗ mới thì đỏ lôm. Nó day lại thì thấy thằng Quì đứng ngó chị nó trần trần mà hai hàng nước mắt chảy ròng ròng xuống mặt” (HBC, 1988c: 93). Người mẹ ghẻ trong tác phẩm này chỉ thích đày ải, bắt con chồng làm việc quá sức như

để trút những cơn bức dọc, ghen hờn vô lý không tiện nói ra: “Thị Đen nghe người ta méc con ghẻ mình, không thèm hỏi đi hỏi lại, áp chạy ra cú trên đầu cho nó một dây, rồi lại mắng rằng: “Cái dòng con gái mẹ mày không nên thân! Đẻ thứ đồ yêu tinh như vậy mà đẻ làm chi không biết” (HBC, 1988c: 92). Trẻ em gần như bất lực, cam chịu: “Thằng Quì bị cú thì cúi đầu ôm cổ mà chịu, không la không khóc chi hết” (HBC, 1988c: 94). Điều đáng quan tâm là cách hành xử thô bạo dễ khiến trẻ thơ trở nên chai sạn dần cả thể xác lẫn tâm hồn. Những tiếng chửi rửa nặng nề, ghê rợn: “... sao xe hơi, xe lửa không cán mày chết cho rồi, còn để cho mày về chi đó... bữa nào tao giết mày chết...” (HBC, 1988c: 120) lâu ngày cũng thành quen tai với đứa trẻ mồ côi mẹ, nhiều bất hạnh như Quì. Khi Quì đã bị một trận đòn đến mức phát bệnh từ cha, do lời méc của mẹ ghẻ, người cha còn thốt ra những lời phũ phàng, vô tâm đến mức tàn nhẫn: “Thầy kệ nó! Thứ đồ ôn đồ dịch, nó chết đâu thì chết cho rảnh” và bỏ đi (HBC, 1988c: 98). Quì đau, sau khi bị cha đánh, cả tháng trời không được quan tâm chăm sóc thuốc men, may mà “nhờ Trời cũng không nở bỏ”, nên “lây lắt rồi nó cũng mạnh được” (HBC, 1988c: 92). Nhưng đến Châu, bé gái chín tuổi, thường xuyên bị mẹ ghẻ bạo hành nên khi lâm bệnh, không được thuốc thang, đã lặng lẽ ra đi trong tủi hờn, ai oán. Lời Châu trần trối với đứa em thơ đại nghe thật xót xa, ai oán: “Chị có chết rồi thì em phải trốn đi đi, đừng có ở đây nữa! Em ở

đây, em cũng chết theo chị vậy đa, nói cho biết” (HBC, 1988c: 92). Quì sau đó đã bỏ nhà đi lang thang, tìm đủ cách mưu sinh giữa chợ đời đầy cạm bẫy.

Công việc mưu sinh luôn nhọc nhằn với người nghèo. Có những gia đình rời bỏ vùng quê đói khổ lên Sài Gòn nhưng do hoàn cảnh đưa đẩy, cũng có khi từ tâm tính xấu, dẫn đến hành vi trộm cắp. Đáng phê phán hơn là việc họ bắt trẻ em, ngay cả cháu ruột của mình đi trộm cắp để đem tiền về như Bỉ trong *Cay đắng mùi đời*. Bỉ bị chú ruột ép móc túi, không đồng ý thì bị đánh đập. Cuối cùng, Bỉ phải ăn cắp cây đòn cò, đi hát rong kiếm tiền: “Mỗi ngày nó kiếm được đôi ba cắc đem về cho chú nó thì khỏi bị đòn, còn bữa nào năm bảy xu thì phải bị ít cũng vài bạt tai” (HBC, 2014: 119). Không muốn rơi vào vòng tù tội, Bỉ bỏ trốn, đi lang thang, sống bụi ngủ bờ.

Thu Vân trong *Ngọn cỏ gió đùa* cũng là một trường hợp bị bạo hành, nhưng từ người không thân thích. Mẹ của Thu Vân gửi con cho vợ chồng Đỗ Cẩm nuôi hộ một thời gian để tìm đường về quê. Vì không có tiền chuộc lại con, người mẹ đáng thương ấy buồn rầu sinh bệnh mà chết. Vợ chồng Đỗ Cẩm tham lam độc ác, đã lợi dụng việc nuôi giữ Thu Vân để kiếm tiền bằng nhiều thủ đoạn bịp bợm, trơ trẽn. Đã thế, họ còn nhẫn tâm hành hạ, cho ăn đói mặc rách, chửi mắng nặng nề, xem Thu Vân không bằng con heo nhà họ: “Tao tưởng mày kiếm không được con heo, tao giết mày chết. Tao nói cho mày

biết, cái mạng của mày không bằng con heo tao đâu. Nếu mày muốn sống phải giữ nó” (HBC, 1988b: 293).

Xã hội bên ngoài cũng là nỗi ám ảnh lớn đối với trẻ lang thang như Quì và Hôi. Chúng thường xuyên bị cảnh sát đuổi đánh không chút thương xót: “Cái thân của hai đứa nhỏ thiệt là cùng khổ, không có cơm mà ăn, không có nhà mà ở, nằm trong nhà ga là chỗ lúc ban đêm bỏ trống không cần dùng chi hết mà lính cũng rượt đánh, không chịu cho nằm” (HBC, 1988c: 152). Sự xuất hiện của cảnh sát, những người thực thi luật pháp đương thời, trở thành mối đe dọa của trẻ em trên hành trình đi tìm miếng cơm, manh áo: “... trẻ nhỏ vừa bu lại, con Liên vừa mới cất giọng lên mà ca bản hành văn, thỉnh linh chú bếp phía hàng chợ đi lại, cầm roi mây rượt quất, trẻ nhỏ chạy la om sòm, con Liên với thằng Được thấy vậy thất kinh nên cũng lật đật ôm đờn mà chạy, mặt mày tái lét” (HBC, 2014: 82). Liên không dám tiếp tục công việc dù đó là cách duy nhất lúc này có thể kiếm sống: “Không được đâu anh. Em sợ lính quá, em không dám ca nữa đâu”, cảnh tượng “Thằng Được ứa nước mắt, làm lủi mà đi không nói chi hết” (HBC, 2014: 82) khiến ai cũng phải chạnh lòng.

3.2. Hiện tượng mua bán, đổi tráo trẻ em

Bé Được trong *Cay đắng mùi đời* từng là nạn nhân của lòng tham, phải lìa cha mẹ từ thuở ấu thơ. Tưởng may mắn khi được bà Ba Thời nghèo, nhân hậu đem về nuôi dưỡng, nào

ngờ, từ ngày cha nuôi trở về sau thời gian dài đi biệt xứ, Được mất hẳn những ngày tháng bình yên bên mẹ nuôi, lúc nào cũng sống trong cảnh nơm nớp lo sợ. Bởi vì: “Chẳng có bữa nào thằng Được khỏi bị bạt tai, hay là khỏi nghe chửi rửa...” (HBC, 2014: 30). Những lời mắng chửi như: “Đồ chó!”, “Chết đâu thì chết cho rảnh nuôi tốn cơm chó ích gì”, hoặc; “... tao đánh mày nát đầu đa, nói cho mày biết” đã khiến: “Thằng Được tối ngày không dám nhích mép, hễ thấy mặt cha thì sợ sệt không dám ngó ngay, kiếm công chuyện mà làm hoài, chớ không dám ở không, ăn cơm thì ăn sau chó không dám ăn chung” (HBC, 2014: 30). Lòng tham tiền cùng sự ghét bỏ đứa trẻ vô tội vì ghen tuông vô căn cứ, đã khiến tên Hữu không từ việc gì để có thể đẩy Được ra khỏi nhà. Bất chấp sự phản đối quyết liệt của vợ, không màng đến nỗi đau mất đứa con nuôi yêu thương của bà Ba Thời, tên Hữu điềm nhiên nhận tiền bán Được. Cũng trong *Cay đắng mùi đời*, vì hoàn cảnh nghèo đói mà người thân đành gạt nước mắt đem bé Liên đi bán, với hy vọng con bé có được điều kiện sống khá hơn. Liên mới tám tuổi đã mồ côi cha mẹ, phải sống với người cô. Người cô không nuôi nổi nên cho em đi theo thầy Đàng tập hát rong và nhận được mười đồng bạc. Thầy Đàng có tâm tốt nhưng cuộc trao đổi diễn ra giữa thầy và tên Hữu vẫn mang nội dung mua bán trẻ em vì có sự mặc cả, có sự tính toán thiệt hơn. Hai đứa trẻ được bán cho người thầy

tốt bụng, trọng nhân nghĩa ở đời nhưng chúng làm sao tránh cú sốc quá lớn. Những đứa trẻ bị đem bán như Được phải trải qua tủi hờn, chua xót, náo nề: "... lòng quặn đau như dao cắt, trong trí bối rối như tơ vò, bởi vậy chơn thì đi, mất thì khóc, mặt thì ngơ lại hoài" (HBC, 2014: 48).

Trong tiểu thuyết HBC cuộc đời không bế tắc hoàn toàn dù có nhiều bất công, ngang trái. Những cảnh sống bần hàn, những chuyện éo le, những điều phi nghĩa diễn ra thường trực, nhưng cái tốt, điều thiện, người nhân đức vẫn hiện hữu. Có chuyện mua bán trẻ em nhưng cuộc đời chúng không rơi vào ngõ cụt. Được, Liên được thầy Đàng nuôi dạy thành người tử tế, có vất vả gian nan nhưng đầy tình yêu thương. Bởi thế, về cuối tác phẩm hai trẻ đều có tương lai tốt đẹp, bù đắp cho những tổn thương của buổi ấu thơ.

Tiểu thuyết HBC có xuất hiện những hiện tượng trái với lẽ thường, đáng phê phán. Đó là những trường hợp cha hoặc mẹ thiếu trách nhiệm, dẫn đến hành xử nhẫn tâm, đem con giao cho người xa lạ hoặc đổi tráo để mưu lợi. Chánh Tâm trong *Kẻ làm người chịu*, *Vì nghĩa vì tình* chỉ biết sống cho cái tôi và đã bị cái tôi ghen tuông ích kỷ, u mê điều khiển. Anh ta không chỉ là người chồng vũ phu mà còn là người cha tàn nhẫn, khi mang đứa bé mới lên bốn, lên năm giao cho một tên ăn trộm để nhờ hấn: "... tập luyện tánh nết nó thế nào đặng chừng khôn lớn nó trở nên một đứa du côn trộm cướp, làm như vậy là có ý muốn phạt

mẹ nó phải sầu não lia con, và phạt nó là cái dấu tích thâm bồn" (HBC, 1988c: 11). Việc trả thù vợ đã là bất đạo, hành vi ứng xử với trẻ em của Chánh Tâm càng bất nhân. Hậu quả của việc làm đó đã khiến Chánh Hội sống những ngày tháng vất vả, khốn khổ, tổn thương. Tất cả như là kết quả đáng trách, đáng tiếc do người cha tạo ra. Vết sẹo trên mặt Hồi như một "chứng tích" lỗi lầm của cha đã lưu dấu vào cuộc đời con. Thăng Hồi đúng là bị đẩy vào một tiến trình trưởng thành hoàn toàn đối lập với xuất phát điểm vốn tốt đẹp của bé Chánh Hội. May mắn cho Hồi (tức bé Chánh Hội) vẫn còn có được hồi kết tốt: được gặp lại cha mẹ, được trở về với cảnh sống êm ấm, đủ đầy, còn kịp cơ hội tiếp nhận sự giáo dục, nuôi dưỡng tốt.

Đồng tiền có sức mạnh ghê gớm nếu con người chỉ biết chạy theo nó mà không tỉnh giác. Vì nó mà số phận trẻ thơ có khi trở nên mong manh, vô định. Trong tiểu thuyết HBC có những đứa bé vừa mới lọt lòng bị đem đổi tráo. Đó là trường hợp hai đứa trẻ, con của cô Hai Phục và cô Cai trong tác phẩm *Nợ đời*. Vì ích kỷ, muốn được chồng trao vị trí chính thức trong gia đình, mong được thừa hưởng gia tài mà cô Cai sẵn sàng làm việc vô đạo: "Cha chả, nếu rủi tôi sanh con gái, mà ai chịu đổi con trai cho tôi, dầu bù năm bảy chục hoặc một trăm tôi cũng bù" (HBC, 2015b: 65). Thế là bé gái vô tội vừa mới mở mắt chào đời đã trở thành nạn nhân. Người lớn đã

chuyên bé từ người này qua kẻ khác. Sau khi thỏa mãn mưu cầu ích kỷ, cảm thấy ăn năn, thì thân phận của bé chẳng thể biết đã ra sao, về đâu. Cô Hai Phục lại là một hình ảnh khác về người mẹ bất nhân. Hận người tình bạc bẽo, cô ta nói: “Em oán thằng Hùng lắm, để em đẻ rồi em kiếm kẻ hung dữ em cho, đặt thằng nhỏ ngày sau nó làm du côn ăn cướp cho cái dòng thằng cha nó mang xấu chơi” (HBC, 2015b: 67). Đứa bé ấy không thành “du côn ăn cướp” nhưng việc tráo đổi vào nhà giàu đã đẩy đến tình huống trở trêu, suýt mang tội bất hiếu vì kiện cáo cha ruột.

Bức tranh xã hội được HBC tái hiện gọi lên sự nhất quán trong nội dung tư tưởng của ông. Con người, dù trẻ em hay người lớn, đều bị chi phối nhiều bởi yếu tố đạo đức. Có được môi trường đạo đức tốt thì dễ dàng đạt được hạnh phúc; nếu ngược lại, tất chịu nhiều mất mát, khổ đau.

3.3. Vấn đề nuông chiều thái quá của gia đình đối với trẻ em

Hiện tượng trẻ em được cha mẹ nuông chiều thái quá cũng được HBC quan tâm trong khía cạnh giáo dục thế hệ trẻ. Tuy nhiên, tác giả không khai thác nhiều, chỉ điểm qua đôi ba trường hợp. Mặc dù vậy, với nội dung này, bức tranh hiện thực về trẻ em được tái hiện trong tiểu thuyết HBC thêm đa dạng, chân thật, sinh động. Tác giả không ngần ngại đưa tiếng chửi thô tục, từ ngữ mang nghĩa âm tính vào lời nói nhân vật, làm lộ rõ tính cách của những đứa trẻ không được

giáo dục đúng mực, trở nên quá quắt, ngỗ ngược. Nhân vật Liên Hoa trong *Nợ đời*, mười ba tuổi, học trường Nhà Tráng, nhưng nói năng thô bạo, khinh khi người nghèo, cho dù đó là chị con bác ruột. Hành động, nói năng của chị em Liên Hoa, Trinh chính là hệ quả tất yếu của cách sống, cách dạy con của ông bà Phũ.

Có những trường hợp cha mẹ không thống nhất, thiếu đồng lòng trong việc giáo dục con cái. Cha nghiêm khắc thì mẹ lại nuông chiều khiến con tập nhiễm những tính không tốt. Đó là trường hợp của Thượng Tứ trong *Con nhà giàu*. Lúc còn bé, cậu ta “có mẹ đứt nhét, cha cho mỗi tuần ba cắc mà mẹ lén đưa thêm ba đồng bởi vậy bánh hàng đã phủ phê mà chiều thứ bảy lại mượn xe kéo về gần tới nhà rồi mới chịu xuống xe đi bộ cho cha đừng biết” (HBC, 2015a: 9). Do cách giáo dục như thế nên không bất ngờ khi lớn lên Thượng Tứ có những lúc trở nên ăn chơi, lêu lổng, hành xử trái đạo với mẹ.

4. CÁI NHÌN PHÁT HIỆN CỦA HỒ BIỂU CHÁNH VỀ NHỮNG TÍNH CÁCH RẤT ĐẶC TRƯNG CỦA TRẺ EM

Tiểu thuyết HBC thường xuất hiện hai tuyến nhân vật rõ rệt: tốt, xấu. HBC không chỉ tập trung khai thác điều tốt đẹp để ca ngợi, thể hiện thái độ trân quý người tốt mà còn chú ý phanh phui cái xấu để phê phán nhằm chấn chỉnh, cảm hóa đạo đức người đời. Nhưng nhân vật trẻ em của ông thì có khác. Khảo sát 11 tác phẩm có nhân vật trẻ em, trừ trường hợp chị em Liên

Hoa, Trinh (*Nợ đời*), hầu hết các nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC đều thuộc tuyến nhân vật tốt. Vì thế, sự mâu thuẫn xung đột không xuất hiện giữa trẻ em với nhau. Mọi bất công ngang trái trẻ em phải gánh chịu đều do người lớn mang đến. HBC phát hiện trẻ em có nhiều vẻ đẹp tâm hồn và tính cách.

4.1. Hồn nhiên, ngây thơ, chân thật và tinh nghịch

Đây vốn là thuộc tính của trẻ em. Nhờ sự hồn nhiên, ngây thơ mà trẻ em chưa phải nghĩ ngợi nhiều đến những phức tạp của cuộc đời. HBC (1988c: 102) phát hiện điều đó từ những đứa trẻ như Hồi: "... Mà cách buồn của con nít không phải sâu sắc như cách buồn của người lớn. Bởi vậy nó buồn trong giây lát rồi hễ có thằng Quì thì nó chạy giỡn, dường như nó cam tâm mà ở chốn đề tiện này, chẳng trông mong việc chi hết". Hình ảnh Quì và Hồi trong bộ quần áo rách rưới cũ mèm, túi trống trơn không tiền, nhất quyết trốn nhà đi bụi để thoát cảnh bị đánh chửi, chưa biết sắp tới sẽ ra sao, mà vẫn có thể "ngó nhau cười ngất, rồi cặp kè nhau mà đi" (HBC, 1988c: 134) đã gọi lên tất cả sự hồn nhiên của trẻ thơ. Hai đứa trẻ ngây thơ làm sao dự đoán nổi những nhọc nhằn, nguy hiểm đang rình rập phía trước. Với chúng, đơn giản là được tự do, được thoải mái, không bị đòn roi là sung sướng nhất; lại được bên nhau, những đứa bạn đồng cảm, đồng cảnh ngộ, cùng yêu thương chia sẻ thì không gì bằng. Tiếng cười hồn nhiên,

dáng đi hân hoan của hai đứa trẻ bất hạnh ấy vừa gợi cảm động, vừa khiến xót xa.

Khi xây dựng nhân vật trẻ em, HBC chưa "trao ngòi bút cho nhân vật, để nhân vật tự viết lấy với giọng điệu riêng của nó" (Hoàng Ngọc Hiến, 2003: 69). Tuy nhiên, từ lời của người kể chuyện toàn tri, nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC thể hiện được đúng tính cách của những đứa trẻ nghèo khó. Cái ăn là nỗi lo thường trực, mà cũng rất ám ảnh khi bị đói. Niềm hạnh phúc trẻ thơ cũng có được từ chuyện ăn no, ăn ngon. Tâm lý lo sợ giây phút hạnh phúc ấy vụt qua nhanh, mỗi khi được nắm bắt, bọn trẻ cố gắng kéo dài thời gian tận hưởng. Chuyện ăn nhín nhín sợ hết nhanh là phổ biến ở những đứa trẻ thường xuyên phải sống trong đói khát, thiếu thốn. HBC tỏ ra rất hiểu trẻ em khi phát hiện đến những chi tiết hết sức vụn vặt, lại đầy ấn tượng này: "Thằng Quì đi mua một đồng xu được hai trái táo, nó đem lại chia cho thằng Hồi một trái, nó một trái, hai đứa ngồi ăn coi bộ ngon lắm, mà sợ hết, nên cẩn nhín từ miếng nhỏ nhỏ, chớ không dám ngốn hết" (HBC, 1988c: 148). Dù cuộc sống túng bần, nghèo khổ nhưng, trẻ em vẫn có thể hồn nhiên, chấp nhận sự thiếu thốn một cách nhẹ nhàng, vô tư. Hình ảnh Được đã gọi lên tất cả sự hồn nhiên vô tư này: "Một đứa trai nhỏ, chừng tám chín tuổi, trần truồng, thùng thẳng lùa một bầy vịt vô sân, sau lưng có một con heo đen ột ột đi theo lăm lườc" (HBC, 2014: 6).

Chi tiết nghệ thuật là yếu tố quan trọng làm nên sự thành công khi tái hiện cuộc sống. HBC thường đưa vào tác phẩm những chi tiết vụn vặt làm nên tính đời thường cho hiện thực được miêu tả thật tự nhiên: “Thằng Quì xắn bản ở đầu đường kia, thấy chú chệt mắc lằng xằng đầu đường nọ, nó mới thừa dịp chú xây lưng nó bèn lấy ba bốn miếng thịt cầm trong tay, rồi bước lại coi chú làm, bộ tề chỉnh như thường...” (HBC, 1988c: 139). Mấy miếng thịt đó, Quì cho vào bánh mì không, ăn ngon lành. Tất nhiên, hành vi của Quì là xấu, nhưng thể hiện đúng tính cách trẻ con, rất nghịch ngợm. Cái nghịch ngợm này có quan hệ tất yếu với cuộc sống đói nghèo, thiếu hẳn sự giáo dục, chỉ dạy của người lớn. Vì trẻ con nên Quì đã ngây thơ nghĩ về việc mình làm một cách đơn giản: “Làm bậy ăn chơi vậy mà, để nó bán dư rồi nó đổ cũng vậy” (HBC, 1988c: 141).

Sự tình nghịch có khi lại đáng yêu. Được nhớ là mẹ nuôi của mình rất thích nuôi heo, nó quyết tâm mua cho bằng được con heo để dắt về tặng mẹ. Nổi hân hoan trào dâng ra ngoài, Được “... cất giọng lên mà ca hát om sòm” (HBC, 2014: 132). Được lại còn nghịch ngợm bày trò, đã nhờ Bì cùng phối hợp, khiến Ba Thời phải hết bất ngờ này đến bất ngờ khác trước sự trở về của Được và món quà mà Được trao tặng. Một chút nghịch đáng yêu ấy đã giúp cho niềm vui, niềm hạnh phúc trong lòng Ba Thời như được nhân lên. Bà ta không kiềm nén

nổi cảm xúc: “... để đèn dưới đất ôm con mà hun tro hun trất, rồi nói rằng: “Con tôi thiệt đáng quá” (HBC, 2014: 141).

4.2. Giàu tình yêu thương

Mặc dù trải qua nghèo khổ, thiếu thốn mọi bề, bị tổn thương tinh thần, nhưng tâm hồn trẻ thơ, hồn nhiên vẫn giữ lại được và nuôi dưỡng mãi tình yêu thương trong lòng các bé. Đó là thứ tình cảm tự nhiên, tự nguyện, lớn dần và bền bỉ giữa mưa bão của cuộc đời.

Tình yêu thương của các nhân vật trẻ em hướng đến người thân, dành cho cha hoặc mẹ, ông ngoại, anh hay em,... Những đứa trẻ như Thu Ba, Thu Cúc (*Chút phận linh đình*); Tý, Quên (*Cha con nghĩa nặng*); Được (*Cay đắng mùi đời*);... là những trường hợp tiêu biểu. Đặc biệt, HBC đã dựng công xây dựng nhân vật Tý (*Cha con nghĩa nặng*) để thể hiện tấm lòng của một đứa trẻ chịu nhiều bất hạnh nhưng luôn dạt dào tình yêu thương. Tý có phần giận mẹ không làm tròn bổn phận, không giữ tiết hạnh nên dồn hết tình yêu thương vào người cha hiền lành, lỡ gây án mạng. Biến cố của gia đình: mẹ chết vì thất đạo, cha bỏ trốn để tránh tù tội,... tạo nên những vết thương lòng, rỉ máu mãi trong tâm hồn Tý. Nó khiến Tý không thể giữ được sự hồn nhiên, tươi vui của tuổi thơ: “Bổn tánh nó trầm tĩnh, ít hay nói, ít hay cười, mà từ ngày mẹ nó chết, cha nó mất rồi, thì nó càng chim bìm, không chịu chơi với con nít lối xóm...” (HBC, 2005: 62). Thế nhưng, bên trong cái vẻ lầm lì, ít

nói ấy là cả một đời sống tình cảm sâu nặng. Tý rất thương em gái cùng chịu bất hạnh như mình. Thương em, Tý chịu cực khổ, chấp nhận đi ở đợ để có tiền lo cho em. Mười hai tuổi đầu mà Tý phải “trải nghiệm” cảm giác sắp xa nhà, xa em để đến một nơi xa lạ, không người thân quen. Tý lo lắng: “Không biết ở đợ với người ta thế nào” (HBC, 2005: 67). “Đêm ấy thằng Tý nằm trần trọc hoài, ngủ không được” (HBC, 2005: 67), nhưng có lẽ điều khiến Tý nặng lòng nhất là “buồn về nỗi để em ở nhà bơ vơ” (HBC, 2005: 67). Cử chỉ: “vuốt ve mặt con Quyên” (HBC, 2005: 67) của Tý gây xúc động không ít đối với người đọc.

Bị đẩy ra khỏi gia đình, các nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC dành tình cảm cho những người cứu mạng che chở mình. Được trong *Cay đắng mùa đời* là một đứa bé rất yêu thương mẹ nuôi. Bị bắt lìa khỏi mẹ, lòng dạ Được đau như muối xát kim châm. Cũng như Tý, khi bị đẩy vào hoàn cảnh quá nghiệt ngã, những đứa trẻ dễ khôn lớn trước tuổi, hiểu chuyện và biết nén cái tôi lại để sống cho người thân. Phải xa mẹ nuôi, rời khỏi căn nhà quen thuộc từ bé, để đi với một người xa lạ, tất nhiên Được rất sợ và lo lắng. Nhưng vì thương mẹ nuôi, Được chấp nhận bị đem bán. Chẳng những thế, còn động viên, an ủi mẹ: “Thôi má đừng có buồn, đừng có khóc nữa. Tía có bán con thì để tía bán đặng con đi phút cho rồi, chớ má cản trở để con ở lại đây tía rầy rà hoài tội nghiệp má lắm. Không có sao đâu mà sợ! Con đi

rồi chừng con khôn lớn con làm ăn có tiền nhiều con trở về con cho má, con không quên má đâu” (HBC, 2014: 44). Hình ảnh Được vui mừng dắt con heo trở về thăm mẹ nuôi là hình ảnh đơn sơ, đời thường nhưng rất đẹp, gợi lên một chân dung trẻ thơ nhưng sáng ngời, bởi tấm lòng hiếu nghĩa. Được nhớ mẹ, nhớ cả những tính cách đáng quý của mẹ và không quên sở thích nuôi con heo quăn của mẹ. Nếu không có tình yêu thương sâu đậm thì không thể nào có được những quan tâm như thế.

Tiểu thuyết HBC ít nói đến tình cảm thầy trò. Thế nhưng, khi bàn đến mối quan hệ thầy trò, ông đã đặc biệt đề cho nhân vật trẻ em thể hiện tình cảm cao quý trong mối quan hệ đó. Được và Liên yêu thương và kính trọng thầy Đàng. Thầy Đàng bị bắt và ở tù do tính khảng khái, ghét bắt công. Được và Liên đều hết sức lo lắng cho sự an nguy của thầy. Hai đứa trẻ rất chu đáo, lo từng miếng ăn cho thầy. Mặc dù là trẻ con, yếu thế mọi bề nhưng chúng vẫn cố tìm cho bằng được cách để gửi bánh mì vào khám cho thầy. Thầy Đàng chẳng may qua đời bất ngờ, Được khóc thương thảm thiết. Ra khỏi bệnh viện, bản thân vừa mới được thoát nguy, Được nhanh chóng tìm viếng mộ thầy. Trong lòng Được luôn khắc sâu những lời dạy và quyết tâm sống có đạo đức theo gương thầy.

Tình yêu thương đối với những nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC còn thể hiện sự đồng cảm, biết thấu hiểu, sẵn lòng chia sẻ với những số phận

nghèo khổ, cùng chịu vất vả gian nan. Quì và Hồi trong *Vì nghĩa vì tình* là hai đứa trẻ như thế. Không thân thích họ hàng, chẳng máu mủ ruột rà nhưng chúng luôn biết quan tâm nhau, hiểu nỗi đau của nhau. Đứa này bị đòn là đứa kia cũng đau như chính mình bị đánh. Cảnh Hồi cởi áo đắp cho Quì, nằm ôm Quì suốt thời gian dài để Quì chống lại cơn rét do nhuốm bệnh, đã nói lên tình cảm thấm thiết của hai đứa trẻ. Một thứ tình cảm tự nhiên, tự nguyện mà chưa chắc người lớn có thể có được, khiến những người vô tình như Tư Tiên cũng phải động lòng. Hồi và Quì luôn biết chia sẻ ngọt bùi. Hai đứa chung nhau từng cắc bạc kiếm được nhờ đi nhặt banh cả buổi, để mua thuốc cho Châu. Quì sẵn sàng nhường cơ hội ăn mì cho Hồi để bạn có được một lần ăn mì, thoát đói... Câu nói của Quì khi Hồi tỏ vẻ lo ngại ăn mì sẽ làm hết sạch số tiền ít ỏi đang có: “Thầy kệ mà! Hết rồi mình kiếm cái khác lo gì mà” (HBC, 1988c: 139), nghe gọn lỏn mà chắc nịch. Có gì đó chút hồn nhiên, không biết lo xa nhưng ẩn bên trong là lòng thương bạn sâu sắc. Nó là hạt giống làm nảy mầm tính rộng rãi, cách cư xử trọng tình nghĩa của Quì về sau. Được, Liên và Bì trong *Cay đắng mùi đời* cũng vậy. Mỗi trẻ một số phận nhưng luôn dành cho nhau tình cảm như máu thịt. Lúc khó khăn, túng thiếu cùng chịu đựng và vượt qua; khi được sung sướng không hề bỏ nhau.

Nhân vật Thu Cúc trong *Chút phận linh đình* là một bé gái có tám lòng

nhân hậu không khác gì người lớn. Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh sống không phải nghèo khó, cô bé chỉ mới chịu vất vả khi cha đi du học lại có tin gặp nạn. Cô bé phải cùng mẹ tìm đường về quê mong được ông nội nhìn nhận, cứu mạng vì ông là người rất giàu có. Do bị kẻ xấu lừa gạt, mẹ con mất hết tiền của nên phải chịu nhiều gian truân. Thu Cúc sớm thấu hiểu nỗi cực nhọc khi rơi vào cảnh khổ. Cô bé nhanh chóng có được sự đồng cảm với người cùng cảnh ngộ. Vì thế, khi thoát khỏi lúc gian nan, được một người tốt bụng cho đi xe nhờ, cô bé đã suy nghĩ rất đáng yêu: “Nó thấy mấy người đi bộ nắng nực đổ mồ hôi ướt áo, nó nhớ hồi nãy mẹ con nó cũng vậy, mà lại thêm đau chơn mỗi cẳng nữa, thì nó càng thương xót phận cực khổ của kẻ nghèo. Nó định nếu nó có xe hơi nó sẽ bắt chước anh sóp-phơ này; bất luận là đi đâu, hễ nó gặp đàn bà con nít đi bộ thì nó chở giùm hết thảy” (HBC, 1988a: 96).

4.3. Ý thức tự lập, có lòng tự tin, tự trọng, quý đạo nghĩa

Mặc dù tuổi đời còn nhỏ nhưng các nhân vật trẻ em của HBC luôn ý thức trách nhiệm đối với người thân, không ỷ lại, cũng không buông xuôi trước hoàn cảnh khó khăn. Trẻ con thường thích được sung sướng, được vui chơi thỏa thích và sợ nhọc nhằn, gian khổ. Tý trong *Cha con nghĩa nặng* cũng không ngoại lệ. Lúc mới đến nhà bà Hương quản Tồn, bắt đầu cuộc sống ở đợ, giữ trâu, công việc cực

khổ, Tý thấy buồn lắm nhưng ngay lập tức, trong lòng đứa bé mười hai tuổi, biết nghĩ cho người thân, biết nhận lấy bổn phận đã ý thức: “Mình nghèo phải cực chứ. Mình cực, em mình mới có quần áo mà bận, ông ngoại mình mới có tiền mua gạo nấu cơm cho nó ăn. Nếu mình muốn sướng, ở nhà thả đi chơi như bầy trẻ, thì lấy chi mà nuôi em mình. Cha mẹ mình chết hết rồi, ông ngoại mình già yếu, mình lớn, mình phải làm mà nuôi em” (HBC, 2005: 71). Tý đã sớm nhận ra giá trị của lao động và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Tý chẳng hề tự ti, mặc cảm và tự tin khi lao động để kiếm tiền. Tý từng nói với ông ngoại những lời rất kiên định, khi ông không đành lòng để Tý đi ở đợ: “Mình ở làm việc cho người ta thì mình ăn tiền, có sao đâu mà không đành” (HBC, 2005: 63). Suy nghĩ tích cực đã dẫn dắt Tý hành động đúng. Tâm yêu thương đã biến thành động lực giúp Tý vượt qua bao gian khổ, chăm chỉ lao động. Và cũng chính vì biết tự lập sớm, khi trưởng thành, Tý không thích dựa dẫm vào người khác, không lợi dụng lòng tốt của bất cứ ai cho dù có cơ hội. Được bà Hương quản Tồn giúp vốn làm ăn, khi có thể tự lo liệu, Tý đã nhanh chóng mang tiền trả lại, dù bà chưa muốn. Cũng bởi tạo được nhân lành, về sau Tý nhận lấy quả ngọt, có được cuộc sống no ấm, an vui bên người thân.

Được cũng là một đứa trẻ có ý thức tự lập. Khi ba thầy trò lưu lạc đến Trà Vinh, vừa mới đến nơi, thầy Đàng đã

bị bắt ở tù nửa tháng. Được và Liên bơ vơ xứ lạ, không người thân, không tiền bạc, chẳng biết nương náu nơi nào, may nhờ có một người phụ nữ tốt bụng cho ở nhờ. Được và Liên luôn ý thức không lạm dụng lòng tốt của ân nhân. Hai đứa trẻ tìm cách đi ca hát để kiếm tiền sinh sống, chờ ngày thầy ra tù. Rủi thay, bị cảnh sát rượt đuổi, nghiêm cấm khát khe, hai đứa trẻ không làm gì được để kiếm tiền. Rơi vào tình thế quá túng quẫn nhưng hai đứa vẫn không muốn dựa dẫm vào chủ nhà tốt bụng. Được xin mỗi ngày gánh hàng ra chợ giúp chủ, để hai đứa được ăn cơm. Cậu bé ý thức phải lao động để đổi lấy bát cơm, không muốn dựa dẫm hay lợi dụng lòng tốt của người khác. Tuổi nhỏ nhưng Được đã có quan niệm sống rất rõ ràng, dứt khoát: “Ở đời phải lo liệu thế nào, dầu không hơn được thì ít nữa cũng phải bằng người ta” (HBC, 2014: 120).

Cho dù tuổi đời còn ít, thiếu sự dạy bảo nhưng nhiều trẻ em trong tiểu thuyết HBC vẫn có ý thức tự trọng rất cao. Xét cho cùng, sự tự lập có được cũng bởi lòng tự trọng và càng tự trọng thì càng ý thức tự lập. Quì và Hồi từng được một người giàu có tốt bụng ở nhà ga cho tiền ăn bánh, dù rất thèm ăn và đang thiếu tiền, nhưng hai đứa một mực từ chối. Quì cho rằng không làm việc gì cho người đó thì không nhận tiền. Được và Liên là hai đứa trẻ lang thang, thất học, đói cơm thiếu áo nhưng rất tự trọng. Thấy cách đối xử khinh miệt của nhà hội

đồng Sáu, hai đứa quyết định ra đi, dù không biết phải đi đâu, nương tựa vào ai trong lúc khốn đốn, cơ hàn. Với chúng, thà đói khát còn hơn bị khinh miệt, rẻ rúng.

Cũng như các nhân vật người lớn, trẻ em biết tự trọng cho nên cũng có ý thức sĩ diện. Sống trong cảnh nghèo khổ, ăn nhờ ở đậu, lam lũ kiếm sống, nhưng không vì thế mà Thu Cúc (*Chút phận linh đình*) chấp nhận mình quá tệ trong mắt người khác. Do vậy, khi được bạn rủ về nhà ăn giỗ, Thu Cúc bày tỏ: “Có khách khứa đông mà em ăn mặc dơ dáy quần áo lấm lem, em thẹn lắm chị à” (HBC, 1988a: 122). Với Được (*Cay đắng mùi đời*) cũng không khác. Nghèo cực, thiếu thốn đủ bề, bệnh hoạn bất ngờ,... tất cả đều không khiến Được nao núng, buồn phiền. Nhưng Được cảm nhận bị tổn thương nặng nề trước lời nói vô tình mà cay nghiệt của nhân vật Thầy phạm-nhê: “Té ra mày là con hoang mà? Đã không có cha mẹ lại không biết xứ sở” (HBC, 2014: 109). Được “bầm gan tím ruột” (HBC, 2014: 109) khi phải nghe những lời nói xúc phạm ấy. Do bất lực, lại thế cô nên Được chỉ còn biết khóc: “nước mắt tuôn dầm dề” (HBC, 2014: 109).

Viết về nhân vật trẻ em, HBC vẫn nhất quán với quan niệm nghệ thuật về con người đạo nghĩa, sống theo chuẩn mực truyền thống, coi trọng danh dự, hướng thiện và rất nghĩa tình, trước sau không thay đổi, mang ơn ai là nhớ suốt đời, tìm cách báo đáp chân thành. Nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC

thường hành động tri ân. Đôi khi chỉ là việc làm thật nhỏ nhưng nhiều ý nghĩa như việc của Quì và Hồi (*Vì nghĩa vì tình*). Được bà lão hàng nước cho cơm ăn, hai đứa dọn dẹp chén bát phụ bà. Món quà báo đáp của chúng gửi đến bà lão chính là lời chúc, tuy trẻ con nhưng thể hiện lòng biết ơn sâu sắc: “Bà tử tế quá! Tôi chúc cho bà sống tới ba trăm tuổi” (HBC, 1988: 160). Chi tiết Được quay lại thăm vợ chồng sếp ga, trả lại số tiền đã cho, hoặc Được và Liên đàn hát giúp vui cho những người từng giúp đỡ, cũng thể hiện cách tri ân rất cảm động. Thu Cúc, Nuôi (*Chút phận linh đình*) không quên những người đã cùng chia sẻ nỗi nhọc nhằn, không thay lòng đổi dạ khi được sung sướng, giàu sang.

Trẻ em trong tiểu thuyết HBC rất tự tin. Sự tự tin có được từ những đứa bé thông minh, hiểu chuyện, biết việc và quyết tâm với những gì mình muốn. Nghe ông ngoại nói: “Ở đợ cực lắm, cháu tưởng sướng hay sao? Ăn đồng tiền của họ, họ bắt làm lả da, mà họ còn đánh chửi nữa, có dễ gì đâu” (HBC, 2005: 63), Tý không hề nao núng hay bất an. Vì Tý tin tưởng sự siêng năng, tinh thần trách nhiệm trong công việc sẽ giúp mình vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Thu Cúc (*Chút phận linh đình*) cũng là bé gái tự tin. Đang trong hoàn cảnh có quá nhiều khó khăn, khốn khổ: cha đi du học bị chìm tàu được tin đã chết; mẹ thì đau ốm, lại còn bị lừa gạt mất hết tiền của; không nhà cửa, không nơi nương tựa; có ông nội giàu có nhưng

từ lâu đã không nhìn nhận; thế nhưng, Thu Cúc vẫn rất vững vàng, tự tin, còn động viên cả mẹ mình: “Má đừng lo, ông Nội cho ở mà. Mà dầu ông Nội không chịu đi nữa, con cũng lập thể con ở được. Mẹ con mình có đủ tay chơn như người ta, dầu thể nào cũng không đến nỗi chết đói đâu mà má sợ” (HBC, 1988a: 77). Lòng tự tin đã giúp trẻ em vững bước trên đường đời có quá nhiều chông gai. Đôi chân các bé chưa đủ cứng cáp, nhưng có lòng tự tin nâng đỡ, các bé đã không bị quật ngã trước mọi gian nan, thử thách.

Trong *Cay đắng mùi đời*, Được là đứa bé sâu sắc, tinh tế. Cái gì chưa biết chắc thì không tin tưởng tuyệt đối; không cho phép mình nghĩ và hành động theo những gì chưa biết rõ ràng, cụ thể: “Ở đời mình chưa chắc người ta làm quấy, mà mình nghĩ cho người ta như vậy thì là mình quấy trước” (HBC, 2014: 77). Trải qua nhiều biến cố trong cuộc sống, đối mặt với nhiều loại người, Được sớm nhận ra không hẳn người lớn là đúng, người có tiền bạc, vai vế là tốt; người nghèo chưa chắc đã thấp hèn, yếu kém... có khi còn ngược lại. Được tự tin bởi cái tâm trong sáng, cái đạo chơn chánh mà Được luôn hướng theo. Tác giả đã đem ống kính chủ quan để soi rọi vào tâm hồn nhân vật, thể hiện sự trân quý dành cho trẻ em ngoan, hiền, tốt bụng. Trong cái nhìn của HBC, trẻ em cũng sống sâu sắc không ít.

5. CÁI NHÌN QUAN TÂM CỦA HỒ BIỂU CHÁNH VỀ VẤN ĐỀ NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC TRẺ EM

5.1. Sự nuôi dưỡng, giáo dục trong gia đình

“Mỗi nhân vật xuất hiện sẽ là một “tiếng nói” của nhà văn về con người, về cuộc đời. Đọc một nhân vật do vậy ta không chỉ hiểu một số phận, một cuộc đời mà còn hiểu ý nghĩa cuộc đời đằng sau mỗi số phận đó” (Lê Tiến Dũng, 2003: 77). Qua tiểu thuyết HBC, tiêu biểu là tác phẩm *Cha con nghĩa nặng*, vấn đề gia đình cùng các mối quan hệ trong gia đình được chú ý khai thác. Theo quan niệm HBC, sự nêu gương của cha mẹ rất quan trọng trong giáo dục, góp phần hình thành nhân cách và nuôi dưỡng tâm hồn trẻ em. Nhân vật trẻ em trong *Cha con nghĩa nặng*, đặc biệt là Tý đã sớm bị tổn thương nên hình thành những suy nghĩ tiêu cực. Ở cái tuổi cần được chăm lo giáo dục, cần được đón nhận tình cảm ấm áp từ gia đình, Tý và Quyên lại phải thường xuyên chịu đựng cảnh cha mẹ cãi nhau. Thị Lựu là người mẹ vô tâm, anh Sửu thì quá thiệt thà. Cả hai người đều không nhận ra nỗi buồn của con trẻ do gia đình không ấm êm. Khi cha hoặc mẹ làm điều lầm lỗi, những giọt nước mắt của con trẻ ban đầu chỉ là cảm xúc tự nhiên. Lúc ấy nước mắt có thể chảy ra, như thể cho vơi bớt nỗi niềm. Tý đã từng ra ngồi ngoài sân khóc một mình lúc cha mẹ cãi nhau. Lâu ngày, quen dần với chuyện cha mẹ bất hòa, cự cãi, nhất là khi biết người mẹ đã làm chuyện vô đạo, thì tâm lý con trẻ dễ rơi vào khủng hoảng. Để rồi đã có cách ứng xử khác với bình thường: “Con nít nhà nào cũng vậy, hễ thấy

cha mẹ đánh lộn thì thường hay bệnh mẹ la khóc om sòm... Thăng Tý với con Quyên lại không giống con nít khác. Chúng nó thấy cha mẹ rầy lộn lại bỏ chạy ra sau cối xay mà núp. Chừng cha mẹ đánh lộn, chúng nó không la khóc, lại ló đầu mà dòm" (HBC, 2005: 44).

Bi kịch bất ngờ ập xuống gia đình Tý, Quyên. Mẹ chết nằm đó, cha bỏ chạy. Cảnh tượng thật khủng khiếp với hai đứa trẻ, nhưng lại là hồi kết của sự xung đột vốn có từ lâu. Cay đắng hơn, khi đó là hệ quả tất yếu từ hành vi trái đạo của người mẹ. Tý không khóc được nữa. Nước mắt như đã khô trong tâm hồn non nớt, trẻ dại của đứa bé mới mười hai tuổi đầu. Sự đau xót vì mất mát nhường chỗ cho nỗi lo vượt quá khả năng giải quyết của Tý. Phải làm gì đây trước sự tang thương này? Người cha đáng thương của nó rồi sẽ ra sao? Trong tình cảnh như vậy, Tý không có điều kiện để sống với cảm xúc. Nó phải tìm cách xử trí một tình huống vừa căng thẳng, vừa trở trêu: "Hương thị Tào đi rồi, con Quyên đứng ngó thầy mẹ nó và khóc thút thít. Thăng Tý không khóc mà mặt nó buồn lắm" (HBC, 2005: 48). Quyên khóc là lẽ thường tình, vì biết mẹ đã mất nhưng nó chưa hiểu hết mọi việc. Tý không khóc mà buồn. Buồn mất mẹ nhưng có lẽ lớn hơn cả là nỗi buồn về hành vi bất đạo của mẹ. Nỗi buồn đó đã vò xé tâm hồn, đeo bám suốt tuổi thơ của Tý. Khi trưởng thành, những tổn thương lúc nhỏ đã làm méo mó suy nghĩ và hình thành trong Tý

cách nhìn người, quan niệm hôn nhân cực đoan: "Tôi ghét đàn bà con gái lắm, nên tôi nhứt định không thèm cưới vợ... Cưới vợ về rồi sau nó lấy trai càng khổ cho mình chớ ích gì" (HBC, 2005: 121). Hành vi tội lỗi của người mẹ đáng trách đã ám ảnh Tý quá lớn. Phải đi ở đợ xa nhà, xa em, nó luôn lo lắng và dặn em: "Đừng có đi chơi, nghe hôn em. Má hồi trước cũng tại đi chơi nên mới chết đó, nói cho em biết" (HBC, 2005: 82). Rõ ràng, gương sáng của cha mẹ là ngọn đuốc soi đường; ngược lại, sẽ lưu những chấm đen vào tâm hồn con trẻ.

Con trẻ rất cần tình yêu thương của cha mẹ. Khi cha mẹ không trao yêu thương, chối bỏ trách nhiệm nuôi dưỡng, bỏ mặc con bơ vơ trên đường đời, thì con trẻ sẽ dễ đánh mất những tình cảm quý giá, thậm chí còn tủi hờn, phiền trách cha mẹ. Quì (*Vì nghĩa vì tình*) đã hơn một lần bày tỏ sự phiền trách người cha vô tâm. Quì giải thích với Hồi về chuyện không biết chữ, nghe ai oán, đắng cay: "Tại cha mẹ mình không cho mình học, mình dốt nó nói mình dốt chớ sao" (HBC, 1988c: 151). HBC như muốn chuyển tải vào tác phẩm những thông điệp về tầm quan trọng của tình yêu thương cha mẹ dành cho con cái. Tình yêu thương của cha mẹ là chất nuôi dưỡng tâm hồn tốt nhất cho trẻ em.

5.2. Sự giáo dục từ xã hội và hoàn cảnh

Xã hội là môi trường để trẻ em có cơ hội trải nghiệm, rèn luyện tâm chí, hình thành bản lĩnh. Môi trường xã hội

có quá nhiều hiện tượng tiêu cực sẽ là những mối đe dọa cho quá trình trưởng thành của trẻ em. Ông kính vạn năng của HBC soi chiếu vào mọi ngóc ngách của cuộc đời, phát hiện những điều rất đời thường, phổ biến nhưng lại ảnh hưởng không nhỏ đến tâm hồn trẻ em. Nhiều nhân vật trẻ em trong tiểu thuyết HBC đã bị gia đình bỏ bê, không yêu thương; khi ra ngoài xã hội lại bị đối xử tệ bạc, lạnh lùng hoặc nhấn tâm. Chúng phải luôn sống với những ám ảnh của nỗi lo sợ: sợ cảnh sát, sợ đói, sợ không có chỗ ngủ, sợ sự xua đuổi... và mất đi sự tin tưởng, nhất là mất niềm tin vào lòng tốt. Nhận được đối đãi tốt của một người lạ mặt trong nhà ga, Quì cảm kích lắm nhưng xem đó là trường hợp hiếm hoi, khó gặp: “Mày tưởng ai cũng cho như vậy hết sao? Trời ơi, một đồng xu nhỏ họ cũng không lợi ra nữa a. Tao tưởng mình đi hết đất này cũng kiếm không được một người như ông già đó nữa” (HBC, 1988c: 150). Rõ ràng, những tác động xấu từ bên ngoài sẽ không kích thích các năng lượng tích cực khởi phát và lưu giữ được ở trẻ em.

Tuy nhiên, HBC phát hiện ở trẻ em có sự mạnh mẽ, bản lĩnh đáng quý. Trong những hoàn cảnh nghiệt ngã trẻ em có thể vượt lên chính mình để được sống, được làm người tốt, người có ích. Tác giả nhận ra trẻ em có thể vươn lên từ khổ đau như một đóa sen trong ngần giữa chốn bùn nhơ. Có cuộc đời đầy bất trắc, trẻ em như được cơ hội để tôi luyện và bộc lộ tính cách đáng ngợi ca. Vì thế, HBC

chủ trương trẻ em cần trải nghiệm thực tế gian khổ để được trưởng thành tốt, sống hữu ích, biết yêu thương chia sẻ với người nghèo. Theo ông, ngoài việc học chữ, học cách cư xử ở đời, rèn luyện nghề nghiệp để có cách mưu sinh tốt về sau, thì trẻ em còn rất cần: “nắm cho đủ đắng cay mùi đời” (HBC, 2014: 101). Kết thúc tác phẩm *Cay đắng mùi đời*, tác giả nhấn mạnh: “Thằng Nhã này có nhờ làm thằng Được trót mười lăm năm trời, nên ngày nay mới biết thương con nhà nghèo như vậy, còn có biết bao nhiêu thằng Nhã khác không có làm thằng Được nên chưa nắm đủ cay đắng trong đời, thì ai nghèo mặc ai, mình giàu mình hưởng” (HBC, 2014: 200). Ông còn muốn trẻ em phải đi nhiều nơi và đi xa để có cơ hội học hỏi nhiều điều mới. Hồi nói với Quì: “Nhật trình họ biểu phải đi du lịch đăng mở trí khôn. Mày nhớ hôn?” (HBC, 1988c: 193). Vấn đề đặt ra cũng đáng để suy ngẫm, bởi những cái lý nhất định. Nhưng bàn đến tính thực tiễn sẽ gặp không ít nan giải. Điều bất cập không khó nhận ra. Ngay nhà văn cũng mâu thuẫn với chính mình, khi cũng từng chứng minh những tác động của môi trường sống đã khiến trẻ em không thể khởi phát được năng lực tích cực. HBC tin tưởng nhân nghĩa, đạo lý ở đời có được sức mạnh vạn năng, sẽ làm lớp bọc che chở an toàn cho trẻ em trước sóng gió cuộc đời. Những trẻ em từng rơi vào bất hạnh trong tiểu thuyết HBC đều giữ được đạo đức tốt, vì thế không hề bị lôi kéo vào sự hư hỏng.

Nhà văn luôn thể hiện cái nhìn có phần lý tưởng hóa cuộc đời.

6. KẾT LUẬN

Hiện nay, trẻ em có quá nhiều tiện nghi vật chất để sống sung sướng đủ đầy. Gia đình đa phần ít con nên tạo điều kiện tốt nhất có được cho con. Lại thêm nhiều áp lực từ việc học hành, trẻ em thường xa rời thực tế, không hiểu những gian khó của cuộc sống, dễ sinh tính vô cảm hay ích kỷ, hoặc lúng túng khi phải va chạm thực tế ngoài đời. Quan niệm giáo dục trẻ em của HBC tuy có những táo bạo, nhiều chủ quan nhưng cũng cần được suy ngẫm. Vấn đề bạo hành, ngược đãi trẻ em vẫn đang nhức nhối trong xã hội hiện thời. Thái độ vô tâm, thiếu trách nhiệm của cha mẹ đâu phải đã hết. Vì thế, những câu chuyện về trẻ em hồi thế kỷ trước, được HBC nói đến, hôm nay vẫn thiết thực.

Nhân vật trẻ em đã góp thêm những đường nét rất sinh động cho bức tranh xã hội được HBC miêu tả, chứng minh cho cái tài và cả cái tâm của nhà văn. Tài bao quát hiện thực xã hội và tái hiện thành công chân dung cuộc sống. Tâm yêu thương đã chạm đến những trái tim bé nhỏ của thành phần yếu thế trong xã hội, để nâng đỡ, sẻ chia, thấu hiểu và ra sức tìm kiếm giải pháp, với mong ước trẻ em được nuôi dưỡng và giáo dục tốt nhất. HBC vẫn giữ quan niệm nghệ thuật về trẻ em như khi viết về nhân vật người lớn. Đạo đức tốt, bản lĩnh vững vàng, tâm hồn trong sáng cao đẹp, đó là hành trang để trẻ em vào đời một cách vững chãi. Nhà văn thể hiện cái nhìn về trẻ em qua lăng kính của người lớn nhưng vẫn là tiếng nói thấu hiểu, yêu thương trong sự trân trọng, yêu quý. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hồ Biểu Chánh. 1988a. *Chút phận linh đình*. Tái bản. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
2. Hồ Biểu Chánh. 1988b. *Ngọn cỏ gió đùa*. Tái bản. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
3. Hồ Biểu Chánh. 1988c. *Vì nghĩa vì tình*. Tái bản. Tiền Giang: Nxb. Tổng hợp Tiền Giang.
4. Hồ Biểu Chánh. 2005. *Cha con nghĩa nặng*. Tái bản. TP HCM: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
5. Hồ Biểu Chánh. 2006. *Lời thề trước miếu*. Tái bản. TP HCM: Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
6. Hồ Biểu Chánh. 2014. *Cay đắng mùi đời*. Tái bản. TP HCM: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
7. Hồ Biểu Chánh. 2015a. *Con nhà giàu*. Tái bản. TP HCM: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
8. Hồ Biểu Chánh. 2015b. *Nợ đời*. Tái bản. TP HCM: Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
9. Hoàng Ngọc Hiến. 2003. *Văn học ... gần và xa*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
10. Lê Tiến Dũng. 2003. *Giáo trình Lí luận văn học (phần Tác phẩm văn học)*. TP HCM: Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
11. Nguyễn Khuê. 1974. *Chân dung Hồ Biểu Chánh*. Sài Gòn: Nxb. Lửa Thiêng.
12. Văn Thanh. 1982. *Truyện viết cho thiếu nhi dưới chế độ mới*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.